

ĐIỀU LỆ
CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM
(ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU CÔNG ĐOÀN TOÀN QUỐC LẦN THỨ X
THÔNG QUA NGÀY 5 THÁNG 11 NĂM 2008)



HUY HIỆU CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

1. Bánh xe răng màu đen công nghiệp đặt ở trung tâm quả địa cầu (có số lượng 13 răng bánh xe).
2. Phía trên bánh xe răng có Quốc kỳ Việt Nam, lá cờ màu đỏ tươi, ngôi sao vàng tươi ở chính giữa lá cờ.
3. Thước cặp màu đen đặt bên trong bánh xe răng công nghiệp, trên nền màu xanh da trời.
4. Quyển sách màu trắng đặt phía trước, bên dưới bánh xe răng.
5. Phần đế dưới quả địa cầu có “TLĐ” trên nền giải cuốn cách điệu màu xanh công nhân.
6. Đường kinh tuyến, vĩ tuyến của quả địa cầu màu trắng, trên nền màu vàng nhũ kim.

Công đoàn Việt Nam tiền thân là Tổng Công hội đỏ Bắc kỳ, được thành lập ngày 28 tháng 7 năm 1929, nay là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức và những người lao động tự nguyện lập ra nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết lực lượng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh về mọi mặt; có tính chất giai cấp của giai cấp công nhân và tính chất quần chúng; có chức năng: Đại diện bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động (CNVCLĐ); tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế – xã hội, tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế; giáo dục, động viên CNVCLĐ phát huy quyền làm chủ đất nước, thực hiện nghĩa vụ công dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có quan hệ hợp tác với Nhà nước và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam luôn luôn trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc, đồng thời phát huy truyền thống đoàn kết quốc tế, tăng cường và mở rộng hợp tác với công đoàn các nước, các tổ chức quốc tế trên nguyên tắc hữu nghị, đoàn kết, bình đẳng, hợp tác cùng có lợi, phấn đấu cho mục tiêu: Vì lợi ích người lao động, vì hoà bình, dân chủ, độc lập dân tộc, phát triển và tiến bộ xã hội.

Chương I

ĐOÀN VIÊN VÀ CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN

Điều 1. CNVCLĐ Việt Nam làm công, hưởng lương; người lao động tự do hợp pháp, không phân biệt nghề nghiệp, nam nữ, tín ngưỡng, nếu tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, tự nguyện sinh hoạt trong một tổ chức cơ sở của công đoàn, đóng đoàn phí theo quy định thì được gia nhập công đoàn.

Điều 2. Người gia nhập Công đoàn phải có đơn tự nguyện. Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc công đoàn cấp trên xét, ra quyết định kết nạp và trao thẻ đoàn viên công đoàn. Khi chuyển nơi làm việc, đoàn viên xuất trình thẻ đoàn viên công đoàn với ban chấp hành công đoàn cơ sở nơi mới để được tiếp tục sinh hoạt công đoàn. Khi đoàn viên xin thôi tham gia sinh hoạt công đoàn, ban chấp hành công đoàn cơ sở xoá tên và thu lại thẻ đoàn viên.

Điều 3. Đoàn viên có quyền:

1. Được thông tin, thảo luận, đề xuất và biểu quyết công việc của công đoàn; ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo công đoàn; những đoàn viên ưu tú được công đoàn giới thiệu để đảng xem xét kết nạp, giới thiệu để bầu vào cơ quan lãnh đạo của đảng (nếu là đảng viên), của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội khác; được phê bình, chất vấn cán bộ lãnh đạo công đoàn, kiến nghị bãi miễn cán bộ công đoàn có sai phạm.

2. Được yêu cầu công đoàn bảo vệ nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng khi bị xâm phạm; đại diện tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3. Được công đoàn tư vấn miễn phí về pháp luật lao động và công đoàn; hướng dẫn giúp đỡ tìm việc làm, học nghề; ưu tiên xét vào học tại các trường, lớp do công đoàn tổ chức; thăm hỏi, giúp đỡ lúc ốm đau hoặc khi gặp hoàn cảnh khó khăn; được tham gia các sinh hoạt văn hoá, thể thao, du lịch, nghỉ ngơi do công đoàn tổ chức.

4. Khi nghỉ hưu, đoàn viên được nghỉ sinh hoạt công đoàn, được công đoàn cơ sở nơi làm thủ tục về nghỉ và công đoàn địa phương nơi cư trú giúp đỡ, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng; được tham gia sinh hoạt câu lạc bộ hưu trí, ban liên lạc hưu trí do công đoàn giúp đỡ.

Điều 4. Đoàn viên có nhiệm vụ:

1. Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
2. Thực hiện các nghị quyết của công đoàn, tham gia các hoạt động và sinh hoạt công đoàn, đóng đoàn phí, tuyên truyền phát triển đoàn viên, xây dựng tổ chức công đoàn.
3. Không ngừng học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, chuyên môn, tay nghề; rèn luyện phẩm chất giai cấp công nhân; sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.
4. Giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ nghề nghiệp, lao động có hiệu quả và tổ chức tốt cuộc sống; đoàn kết giúp nhau bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ và tổ chức Công đoàn.

Điều 5. Cán bộ công đoàn

1. Cán bộ công đoàn là người được bầu vào các chức danh thông qua bầu cử tại đại hội hoặc hội nghị công đoàn (từ tổ công đoàn trở lên); được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền của công đoàn chỉ định hoặc bổ nhiệm vào các chức danh cán bộ công đoàn hoặc được giao nhiệm vụ thường xuyên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn Việt Nam.

2. Cán bộ công đoàn gồm cán bộ chuyên trách và cán bộ không chuyên trách.

a. Cán bộ công đoàn chuyên trách là những người đảm nhiệm công việc thường xuyên trong tổ chức công đoàn, được đại hội, hội nghị công đoàn các cấp bầu ra hoặc được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền của công đoàn chỉ định, bổ nhiệm vào chức danh cán bộ công đoàn và giao nhiệm vụ thường xuyên.

b. Cán bộ công đoàn không chuyên trách là những người làm việc kiêm nhiệm, do đoàn viên tín nhiệm bầu vào các chức danh từ tổ công đoàn trở lên và được cấp có thẩm quyền của công đoàn công nhận hoặc chỉ định.

3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, căn cứ quyết định hiện hành để quyết định biên chế cán bộ công đoàn chuyên trách.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ công đoàn.

Ngoài những nhiệm vụ và quyền của người đoàn viên, cán bộ công đoàn có những nhiệm vụ và quyền sau:

1. Đấu tranh chống những biểu hiện vi phạm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của công đoàn các cấp.

2. Là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

3. Liên hệ chặt chẽ với đoàn viên và người lao động; tôn trọng ý kiến của đoàn viên và người lao động.

4. Báo cáo, phản ánh và thực hiện thông tin hai chiều giữa các cấp công đoàn, giữa người lao động với người sử dụng lao động hoặc đại diện của người sử dụng lao động.

5. Tổ chức đối thoại giữa CNVCLĐ với người sử dụng lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc giữa tổ chức công đoàn với đại diện của người sử dụng lao động.

6. Tổ chức và lãnh đạo đình công (đối với cán bộ công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp) theo đúng quy định của pháp luật.

7. Được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, Nhà nước và Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

8. Được công đoàn bảo vệ, giúp đỡ, hỗ trợ khi gặp khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do tổ chức công đoàn phân công.

9. Cán bộ công đoàn không chuyên trách khi có đủ điều kiện theo quy định và có nguyện vọng được xem xét ưu tiên tuyển dụng làm cán bộ công đoàn chuyên trách.

Chương II

NGUYÊN TẮC VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Điều 7. Công đoàn tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, với nội dung cơ bản như sau:

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp công đoàn do bầu cử lập ra. Trường hợp cần thiết, công đoàn cấp trên được quyền chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành và các chức danh trong cơ quan thường trực của ban chấp hành công đoàn cấp dưới.

2. Quyền quyết định cao nhất của mỗi cấp công đoàn là đại hội công đoàn cấp đó. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo là ban chấp hành.

3. Ban chấp hành công đoàn các cấp hoạt động theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức.

4. Nghị quyết của công đoàn các cấp, được thông qua theo đa số và phải được thi hành nghiêm chỉnh.

5. Khi thành lập mới hoặc tách, nhập tổ chức công đoàn hoặc những đơn vị, doanh nghiệp chưa có tổ chức công đoàn, công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ

định ban chấp hành công đoàn lâm thời hoặc chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành công đoàn lâm thời. Thời gian hoạt động của ban chấp hành công đoàn lâm thời không quá 12 tháng.

Điều 8. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là tổ chức thống nhất có các cấp cơ bản sau đây:

1. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
2. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là liên đoàn lao động tỉnh, thành phố), công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.
3. Công đoàn cấp trên cơ sở.
4. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn.

Điều 9. Đại hội công đoàn các cấp:

1. Nhiệm vụ của đại hội công đoàn các cấp:
 - a. Thảo luận, thông qua các báo cáo của ban chấp hành; quyết định phương hướng nhiệm vụ của công đoàn nhiệm kỳ tới.
 - b. Tham gia xây dựng văn kiện của đại hội công đoàn cấp trên.
 - c. Bầu ban chấp hành công đoàn mới và bầu đại biểu đi dự đại hội công đoàn cấp trên.
 - d. Thông qua Điều lệ Công đoàn Việt Nam (đối với Đại hội Công đoàn toàn quốc).
2. Nhiệm kỳ đại hội công đoàn các cấp:
 - a. Đại hội công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn 5 năm 2 lần. Đối với công đoàn cơ sở có số lượng đoàn viên đông, nhiều công đoàn cơ sở thành viên, hoạt động phân tán có thể 5 năm đại hội 1 lần.
 - b. Đại hội công đoàn cấp trên cơ sở: 5 năm 1 lần.
 - c. Trường hợp đặc biệt, nếu được công đoàn cấp trên đồng ý, đại hội công đoàn các cấp có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá 12 tháng đối với công đoàn cấp trên cơ sở và 6 tháng đối với công đoàn cơ sở. Riêng đối với Đại hội Công đoàn toàn quốc do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định.
3. Số lượng đại biểu dự đại hội cấp nào do ban chấp hành cấp đó quyết định và triệu tập theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Thành phần đại biểu chính thức gồm:
 - a. Các ủy viên đương nhiệm của ban chấp hành cấp triệu tập.
 - b. Các đại biểu do đại hội hoặc hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể công đoàn cấp dưới bầu lên.

c. Các đại biểu do ban chấp hành cấp triệu tập chỉ định với số lượng không quá 3% (ba phần trăm) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập.

4. Đại biểu dự đại hội phải được đại hội biểu quyết công nhận tư cách đại biểu. Trường hợp đại biểu bị kỷ luật từ hình thức khiển trách (theo quy định của Bộ luật Lao động) hoặc cảnh cáo (đối với các trường hợp khác) trở lên, thì ban chấp hành cấp triệu tập xem xét, quyết định tư cách đại biểu và sau đó báo cáo cho đại hội biết. Người bị khởi tố, truy tố, tạm giam thì không đủ tư cách đại biểu.

Điều 10. Hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể:

1. Những nơi xét thấy cần thiết và được ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý thì ban chấp hành ở cấp đó được triệu tập hội nghị đại biểu hoặc hội nghị toàn thể.

2. Số lượng đại biểu do ban chấp hành cấp triệu tập hội nghị quyết định. Đại biểu dự hội nghị phải được hội nghị biểu quyết công nhận tư cách đại biểu. Thành phần đại biểu gồm:

a. Các ủy viên đương nhiệm của ban chấp hành cấp triệu tập hội nghị.

b. Các đại biểu do đại hội (nếu trùng vào dịp đại hội) hoặc do hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể công đoàn cấp dưới bầu lên. Trường hợp không thể tổ chức được hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể và được công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý thì hội nghị ban chấp hành công đoàn cấp đó bầu.

c. Đại biểu chỉ định với số lượng không quá 3% (ba phần trăm) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập.

3. Nội dung của hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể:

a. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết đại hội; bổ sung phương hướng nhiệm vụ và chương trình hoạt động của công đoàn.

b. Tham gia xây dựng văn kiện đại hội công đoàn cấp trên.

c. Bổ sung kiện toàn ban chấp hành và bầu đại biểu đi dự đại hội hoặc hội nghị đại biểu công đoàn cấp trên (nếu có).

Điều 11. Đại hội, hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể, hội nghị ban chấp hành công đoàn các cấp phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên được triệu tập đến dự mới có giá trị. Việc bầu cơ quan lãnh đạo các cấp công đoàn và bầu đại biểu đi dự đại hội công đoàn cấp trên đều phải tiến hành bỏ phiếu kín; người trúng cử phải được quá 1/2 (một phần hai) số phiếu bầu.

Điều 12. Ban chấp hành là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội của công đoàn mỗi cấp.

1. Ban chấp hành công đoàn cấp nào, do đại hội công đoàn cấp đó bầu ra. Ban chấp hành công đoàn cấp dưới phải được ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp

công nhận. Khi có quá 1/2 (một phần hai) số thành viên dự đại hội yêu cầu và được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp thì đại hội công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn có thể bầu trực tiếp chủ tịch công đoàn cơ sở, chủ tịch nghiệp đoàn trong số ủy viên ban chấp hành mới do đại hội bầu ra.

2. Số lượng ủy viên ban chấp hành cấp nào do đại hội công đoàn cấp đó quyết định và không vượt quá số lượng quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

a. Khi khuyết ủy viên ban chấp hành ở cấp nào, thì hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể hoặc ban chấp hành cấp đó bầu bổ sung. Số lượng ủy viên ban chấp hành khuyết cần bầu bổ sung trong nhiệm kỳ đại hội không vượt quá 1/3 (một phần ba) số lượng ủy viên ban chấp hành do đại hội quyết định.

b. Trường hợp đặc biệt cần bổ sung mà số ủy viên ban chấp hành vượt quá số lượng đại hội đã thông qua, thì phải được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp và không vượt quá số lượng quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Việc bầu bổ sung số ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vượt quá số lượng Đại hội Công đoàn toàn quốc đã thông qua do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét, quyết định nhưng không quá 3% (ba phần trăm) số lượng ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã được Đại hội Công đoàn toàn quốc quyết định.

c. Ủy viên ban chấp hành khi chuyển công tác ra khỏi ngành hoặc địa phương, đơn vị thì thôi tham gia ban chấp hành công đoàn ở ngành, địa phương, đơn vị đó. Ủy viên ban chấp hành công đoàn các cấp khi nghỉ hưu, thôi việc thì thôi tham gia ban chấp hành kể từ thời điểm nghỉ hưu hoặc thôi việc ghi trong quyết định.

d. Trường hợp ủy viên ban chấp hành là cán bộ chuyên trách công đoàn, khi chuyển công tác không là chuyên trách công đoàn nữa thì do ban chấp hành công đoàn cấp đó xem xét việc tiếp tục tham gia hay không tham gia ban chấp hành và đề nghị công đoàn cấp trên quyết định.

3. Nhiệm vụ của ban chấp hành công đoàn các cấp:

a. Tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội công đoàn cấp mình.

b. Thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, công đoàn cấp trên.

c. Chỉ đạo, kiểm tra hoạt động đối với công đoàn cấp dưới.

d. Định kỳ báo cáo tình hình tổ chức hoạt động công đoàn cấp mình với cấp ủy đảng đồng cấp, công đoàn cấp trên và thông báo cho công đoàn cấp dưới.

đ. Quản lý tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế công đoàn theo quy định của Nhà nước và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

4. Hội nghị thường kỳ của ban chấp hành công đoàn các cấp:

a. Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, ban chấp hành liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, ban chấp hành công đoàn ngành trung ương và ban chấp hành công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn 1 năm họp 2 lần.

b. Ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp công đoàn cơ sở, ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn, công đoàn cơ sở thành viên 3 tháng họp ít nhất 1 lần. Đối với ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có công đoàn cơ sở hoạt động trên nhiều tỉnh, thành phố 6 tháng họp ít nhất 1 lần.

Điều 13. Cơ quan thường trực của ban chấp hành công đoàn các cấp.

1. Cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là Đoàn Chủ tịch; cơ quan thường trực của ban chấp hành công đoàn các cấp là ban thường vụ. Đoàn Chủ tịch (ban thường vụ) công đoàn cấp nào do ban chấp hành cấp đó bầu. Số lượng ủy viên Đoàn Chủ tịch (ban thường vụ) nhiều nhất không quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên ban chấp hành công đoàn cấp đó, gồm có chủ tịch, các phó chủ tịch và một số ủy viên.

Đoàn Chủ tịch (ban thường vụ) được phân công một số đồng chí làm thường trực.

2. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban Chấp hành, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được ra các nghị quyết hoặc quyết định để tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội toàn quốc Công đoàn Việt Nam và các nghị quyết của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Cơ quan Tổng Liên đoàn và các đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; đại diện cho công nhân, viên chức, lao động đề đạt kiến nghị với Đảng, Nhà nước những vấn đề liên quan đến CNVCLĐ và tổ chức Công đoàn.

3. Ban thường vụ công đoàn các cấp chuẩn bị nội dung các kỳ họp ban chấp hành và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ban chấp hành; điều hành các hoạt động giữa hai kỳ họp ban chấp hành, báo cáo hoạt động của mình tại hội nghị thường kỳ của ban chấp hành; trực tiếp chỉ đạo hoạt động của cơ quan và đơn vị trực thuộc; đại diện cho đoàn viên và người lao động tập hợp các kiến nghị để tham gia với hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, bộ, ngành, hội đồng quản trị doanh nghiệp cùng cấp; cử đại diện tham gia vào các cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Chủ tịch là người đứng đầu ban chấp hành có trách nhiệm điều hành hoạt động của Đoàn Chủ tịch (ban thường vụ) và là đại diện theo quy định pháp luật của ban chấp hành công đoàn cùng cấp.

a. Khi khuyết Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc ủy viên Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn thì Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn bầu bổ sung trong số các ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn theo đề nghị của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

b. Khi khuyết chủ tịch, phó chủ tịch hoặc ủy viên ban thường vụ thì ban chấp hành công đoàn cấp đó đề nghị công đoàn cấp trên trực tiếp cho bầu bổ sung trong số các ủy viên ban chấp hành.

Điều 14. Ban chấp hành công đoàn ở cấp nào là đại diện của đoàn viên, CNVCLĐ cấp đó.

Ban chấp hành công đoàn các cấp có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho cán bộ công đoàn hoạt động; giúp đỡ, can thiệp và bảo vệ cán bộ công đoàn khi bị xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng; ban chấp hành công đoàn cấp trên hỗ trợ, giúp đỡ ban chấp hành công đoàn cơ sở thực hiện quyền tổ chức và lãnh đạo đình công theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 15. Ban chấp hành công đoàn các cấp căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn, khả năng tài chính và các quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, báo cáo với cấp ủy đảng đồng cấp (nếu có) trước khi quyết định tổ chức bộ máy làm việc; thông báo cho các cơ quan chuyên môn, chủ doanh nghiệp hoặc chính quyền cùng cấp thực hiện trách nhiệm liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC CƠ SỞ CỦA CÔNG ĐOÀN

Điều 16.

1. Tổ chức cơ sở của Công đoàn gồm:

a. Công đoàn cơ sở được thành lập ở các doanh nghiệp, các hợp tác xã sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập; các cơ quan nhà nước, cơ quan của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp, có 5 đoàn viên trở lên và được công đoàn cấp trên quyết định thành lập.

b. Nghiệp đoàn là tổ chức cơ sở của công đoàn, tập hợp những người lao động tự do hợp pháp cùng ngành, nghề, được thành lập theo địa bàn hoặc theo đơn vị lao động có 10 đoàn viên trở lên và được công đoàn cấp trên quyết định thành lập.

2. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn được tổ chức theo 4 loại hình:

a. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn không có tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn.

b. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn có tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn.

c. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn có công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận.

d. Công đoàn cơ sở có công đoàn cơ sở thành viên.

3. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn không đủ điều kiện tồn tại và hoạt động, công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét quyết định giải thể.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan của tổ chức chính trị, chính trị – xã hội và xã hội nghề nghiệp:

1. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn. Giáo dục nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, pháp luật, khoa học kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật, bảo đảm việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Đấu tranh ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Phát hiện và tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết các tranh chấp lao động và thực hiện các quyền của công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức hội nghị cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị; cử đại diện tham gia các hội đồng xét và giải quyết các quyền lợi của đoàn viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Hướng dẫn, giúp đỡ người lao động giao kết hợp đồng lao động. Cùng với thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống của CNVCLĐ, tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện trong CNVCLĐ.

4. Tổ chức vận động CNVCLĐ trong cơ quan, đơn vị thi đua yêu nước, thực hiện nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức, lao động tham gia quản lý cơ quan, đơn vị, cải tiến lề lối làm việc và thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

5. Phát triển quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh và tham gia xây dựng Đảng.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước:

1. Phối hợp với giám đốc tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở doanh nghiệp, tổ chức đại hội công nhân, viên chức; đại diện cho tập thể lao động xây dựng, thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện thoả ước lao động tập thể; tham gia xây dựng điều lệ hoạt động, các nội quy, quy chế, phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; xây dựng, ký kết quy chế phối hợp hoạt động với giám đốc doanh nghiệp.

2. Tập hợp yêu cầu, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của CNVCLĐ; tổ chức, xây dựng, thực hiện thông tin hai chiều, tổ chức đối thoại giữa người lao động và giám đốc doanh nghiệp; hướng dẫn người lao động giao kết hợp đồng lao động; cử đại diện tham gia các hội đồng xét và giải quyết các quyền lợi của CNVCLĐ; tham gia với giám

độc giải quyết việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập, đời sống và phúc lợi của CNVCLĐ; vận động CNVCLĐ tham gia các hoạt động xã hội, tương trợ giúp đỡ nhau trong nghề nghiệp, khi khó khăn, hoạn nạn và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

3. Kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công đoàn, CNVCLĐ; tham gia giải quyết tranh chấp lao động, thực hiện các quyền của công đoàn cơ sở, tổ chức và lãnh đạo đình công theo đúng quy định của pháp luật; phát động, phối hợp tổ chức các phong trào thi đua trong doanh nghiệp.

4. Tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn và nghĩa vụ của người lao động; vận động người lao động chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của doanh nghiệp, thực hiện có hiệu quả công việc do giám đốc doanh nghiệp phân công.

5. Phát triển, quản lý đoàn viên, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh và tham gia xây dựng Đảng.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở trong các hợp tác xã công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, giao thông vận tải...:

1. Giám sát ban quản trị thực hiện chế độ, chính sách, phân phối thu nhập, lợi nhuận đối với xã viên; đại diện người lao động xây dựng, thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện thoả ước lao động tập thể; hướng dẫn người lao động (không phải là xã viên) giao kết hợp đồng lao động.

2. Tham gia với ban quản trị để có biện pháp cải thiện điều kiện làm việc nâng cao thu nhập, đời sống và phúc lợi của xã viên và người lao động; tham gia giải quyết tranh chấp lao động; thực hiện các quyền của công đoàn cơ sở về tổ chức và lãnh đạo đình công; vận động xã viên và người lao động tham gia các hoạt động xã hội, hỗ trợ giúp đỡ nhau trong nghề nghiệp, khi khó khăn, hoạn nạn.

3. Tuyên truyền, phổ biến và vận động xã viên, người lao động thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn, nghị quyết đại hội xã viên và điều lệ hợp tác xã.

4. Phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh và tham gia xây dựng Đảng.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài Nhà nước:

1. Đại diện cho tập thể lao động xây dựng, thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện thoả ước lao động tập thể; phối hợp với người sử dụng lao động hoặc đại diện người sử dụng lao động thực hiện quy chế dân chủ, mở hội nghị người lao động, xây dựng và ký kết quy chế phối hợp hoạt động; hướng dẫn người lao động giao kết hợp đồng lao động.

2. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật có liên quan đến quyền, nghĩa vụ người lao động và công đoàn; tham gia các hội đồng của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp; xây dựng các nội quy, quy chế có liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động.

3. Đại diện cho tập thể lao động tham gia hội đồng hoà giải lao động cơ sở, giải quyết các tranh chấp lao động, thực hiện các quyền của công đoàn cơ sở, tổ chức và lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật.

4. Tập hợp yêu cầu, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của người lao động; báo cáo, cung cấp thông tin và tổ chức đối thoại giữa người lao động và người sử dụng lao động; phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức các phong trào thi đua, phát triển sản xuất kinh doanh chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với người lao động; vận động người lao động tham gia các hoạt động xã hội, hỗ trợ giúp đỡ nhau trong nghề nghiệp, trong cuộc sống, đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

5. Tuyên truyền, phổ biến, vận động người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn và nội quy, quy chế của doanh nghiệp.

6. Phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh và tham gia xây dựng Đảng.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở trong đơn vị sự nghiệp ngoài công lập:

1. Tham gia xây dựng và giám sát thực hiện nội quy, quy chế, điều lệ của đơn vị, các chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động; phối hợp với người đứng đầu đơn vị tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, hội nghị người lao động; hướng dẫn người lao động giao kết hợp đồng lao động, thay mặt người lao động xây dựng, thương lượng và ký kết thoả ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng và ký kết quy chế phối hợp hoạt động với người đứng đầu đơn vị; cử đại diện tham gia các hội đồng của đơn vị có liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động; cùng với người đứng đầu đơn vị xây dựng và giám sát thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; phối hợp tổ chức các phong trào thi đua; vận động người lao động tham gia các hoạt động xã hội, chống các tệ nạn xã hội, hỗ trợ nhau trong công tác, khi khó khăn, hoạn nạn.

3. Tổng hợp yêu cầu, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của người lao động; thực hiện thông tin hai chiều và tổ chức đối thoại giữa người lao động với người đứng đầu đơn vị nhằm giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động.

4. Tuyên truyền, phổ biến và vận động người lao động thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến người lao động, nội quy, quy chế, điều lệ của đơn vị và nghĩa vụ của người lao động.

5. Phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh và tham gia xây dựng Đảng.

Điều 22. Quyền hạn, nhiệm vụ của nghiệp đoàn:

1. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn. Giáo dục nâng cao trình độ chính trị, văn hoá. Phổ biến, hướng dẫn việc thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan đến đời sống và điều kiện hành nghề của người lao động.

2. Đại diện cho đoàn viên nghiệp đoàn quan hệ với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên.

3. Đoàn kết tương trợ, giúp đỡ nhau trong nghề nghiệp và đời sống. Đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

4. Phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng nghiệp đoàn vững mạnh và tham gia xây dựng Đảng.

Điều 23. Công đoàn cơ sở thực hiện phân cấp về nhiệm vụ, quyền hạn cho công đoàn cơ sở thành viên (nếu có); công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể cho công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận, tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Chương IV

TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN CƠ SỞ

Điều 24. Công đoàn giáo dục huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

1. Công đoàn giáo dục huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là công đoàn giáo dục huyện) là công đoàn cấp trên trực tiếp công đoàn cơ sở, tập hợp cán bộ, viên chức và lao động cơ quan phòng giáo dục, các trường học (công lập và ngoài công lập), đơn vị thuộc phòng giáo dục cấp huyện quản lý.

2. Công đoàn giáo dục huyện do liên đoàn lao động huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là liên đoàn lao động huyện) quyết định thành lập hoặc giải thể sau khi thống nhất với công đoàn giáo dục tỉnh, thành phố và được sự đồng ý của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố.

3. Công đoàn giáo dục huyện chịu sự chỉ đạo trực tiếp của liên đoàn lao động huyện và sự phối hợp chỉ đạo về ngành nghề của công đoàn ngành giáo dục tỉnh, thành phố.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn giáo dục huyện:

a. Tổ chức triển khai các chủ trương công tác của liên đoàn lao động huyện, nghị quyết đại hội công đoàn giáo dục tỉnh, thành phố và nghị quyết đại hội công đoàn cấp mình.

b. Tham gia với cơ quan quản lý cùng cấp về định hướng phát triển ngành; xây dựng các mục tiêu, kế hoạch giáo dục - đào tạo và các vấn đề liên quan đến trách nhiệm, lợi ích của cán bộ, viên chức, lao động; xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, viên chức trong ngành.

c. Chỉ đạo công đoàn cấp dưới tham gia thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, viên chức, lao động; tổ chức các phong trào thi đua, thực hiện các cuộc vận động của Đảng, Nhà nước và tổ chức Công đoàn; tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của Công đoàn và truyền thống ngành giáo dục.

d. Phối hợp với các cơ quan chức năng của cấp huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách và đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, viên chức, lao động trong ngành (bao gồm cả ngoài công lập).

đ. Quyết định thành lập hoặc giải thể các công đoàn cơ sở trường học, đơn vị trực thuộc phòng giáo dục cấp huyện quản lý; phát triển đoàn viên, xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh và tham gia xây dựng Đảng.

Điều 25. Công đoàn ngành địa phương.

1. Công đoàn ngành địa phương là công đoàn cấp trên cơ sở tập hợp CNVCLĐ cùng ngành, nghề thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh, thành phố.

2. Công đoàn ngành địa phương do liên đoàn lao động tỉnh, thành phố quyết định thành lập hoặc giải thể sau khi thống nhất với công đoàn ngành trung ương.

3. Công đoàn ngành địa phương chịu sự chỉ đạo trực tiếp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố và sự chỉ đạo về ngành nghề của công đoàn ngành trung ương.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn ngành địa phương:

a. Tổ chức triển khai các chủ trương công tác của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, của công đoàn ngành trung ương và nghị quyết đại hội công đoàn cấp mình.

b. Tham gia với cơ quan quản lý cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội của ngành địa phương, các vấn đề có liên quan đến trách nhiệm và lợi ích ngành, nghề, xây dựng đội ngũ công nhân, viên chức và lao động trong ngành.

c. Hướng dẫn, thông tin về pháp luật và các chế độ, chính sách, khoa học kỹ thuật ngành, nghề, chỉ đạo công đoàn cấp dưới thực hiện các chế độ, chính sách lao động ngành, nghề. Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của Công đoàn và truyền thống, nghĩa vụ, quyền lợi của CNVCLĐ trong ngành.

d. Phối hợp với liên đoàn lao động huyện hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách ngành, nghề, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ trong ngành; hỗ trợ công đoàn cơ sở thương lượng và ký kết thỏa ước lao động tập thể, tổ chức và lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật; đại diện cho công đoàn cơ sở hoặc người lao động khởi kiện hoặc tham gia vào quá trình tố tụng khi được công đoàn cơ sở hoặc người lao động ủy quyền.

đ. Phát triển đoàn viên và công đoàn cơ sở trong các thành phần kinh tế, thực hiện công tác tổ chức, cán bộ theo phân cấp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, xây dựng công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn vững mạnh.

Điều 26. Liên đoàn lao động huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là liên đoàn lao động huyện).

1. Liên đoàn lao động huyện là công đoàn cấp trên cơ sở, tập hợp CNVCLĐ trên địa bàn huyện.

2. Liên đoàn lao động huyện do liên đoàn lao động tỉnh, thành phố quyết định thành lập hoặc giải thể và chỉ đạo trực tiếp.

3. Liên đoàn lao động huyện quyết định thành lập hoặc giải thể và chỉ đạo trực tiếp công đoàn cấp trên cơ sở là công đoàn giáo dục huyện và các công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn đóng trên địa bàn (trừ những công đoàn cơ sở đã trực thuộc liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành địa phương và công đoàn tổng công ty).

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của liên đoàn lao động huyện:

a. Phối hợp với các cơ quan chức năng của nhà nước cấp huyện, công đoàn ngành địa phương, công đoàn tổng công ty để kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động đối với các cơ sở đóng trên địa bàn; hướng dẫn, hỗ trợ, giúp ban chấp hành công đoàn cơ sở trong việc thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể, giải quyết tranh chấp lao động, tổ chức đối thoại với người sử dụng lao động, tổ chức, lãnh đạo đình công theo đúng quy định của pháp luật. Đại diện cho công đoàn cơ sở hoặc người lao động khởi kiện hoặc tham gia vào quá trình tố tụng khi được công đoàn cơ sở hoặc người lao động ủy quyền.

b. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn.

c. Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết và chủ trương công tác của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy đảng và nghị quyết đại hội công đoàn cấp mình; tham gia với cấp ủy đảng, cơ quan nhà nước về

các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề có liên quan đến việc làm, đời sống của CNVCLĐ.

d. Tổ chức phong trào thi đua yêu nước, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

đ. Vận động đoàn viên, CNVCLĐ tham gia các hoạt động xã hội, hướng dẫn các hình thức, biện pháp chăm lo đời sống, cải thiện điều kiện làm việc, xoá đói giảm nghèo, xây dựng nếp sống văn hoá, đấu tranh ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội.

e. Thực hiện công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn; công tác tổ chức, cán bộ theo phân cấp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; xây dựng công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn vững mạnh.

Điều 27. Công đoàn các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (gọi chung là công đoàn các khu công nghiệp).

1. Công đoàn các khu công nghiệp là công đoàn cấp trên cơ sở do liên đoàn lao động tỉnh, thành phố quyết định thành lập hoặc giải thể và chỉ đạo trực tiếp.

2. Công đoàn các khu công nghiệp quyết định thành lập hoặc giải thể và chỉ đạo công đoàn cơ sở thuộc các đơn vị do địa phương thành lập hoạt động trong các khu công nghiệp; phối hợp chỉ đạo công đoàn cơ sở thuộc công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty của trung ương hoạt động trong các khu công nghiệp.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn các khu công nghiệp:

a. Hướng dẫn, chỉ đạo các công đoàn cơ sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều lệ; hướng dẫn, hỗ trợ, giúp ban chấp hành công đoàn cơ sở trong việc thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể, giải quyết tranh chấp lao động, tổ chức đối thoại với người sử dụng lao động, tổ chức, lãnh đạo đình công theo đúng quy định của pháp luật. Đại diện cho công đoàn cơ sở hoặc người lao động khởi kiện hoặc tham gia vào quá trình tố tụng khi công đoàn cơ sở hoặc người lao động ủy quyền.

b. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn; giáo dục nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, pháp luật cho CNVCLĐ trong các khu công nghiệp; tổ chức triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết của đảng; chỉ thị, nghị quyết và chủ trương công tác của công đoàn cấp trên, nghị quyết đại hội công đoàn cấp mình.

c. Phối hợp với ban quản lý các khu công nghiệp, cơ quan quản lý lao động địa phương kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật lao động; giải quyết đơn thư khiếu nại của CNVCLĐ trong các khu công nghiệp.

d. Phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; thực hiện công tác quản lý cán bộ công đoàn theo phân cấp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố.

đ. Hướng dẫn, chỉ đạo các công đoàn cơ sở thuộc công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty của trung ương trong khu công nghiệp thực hiện các nội dung theo quy định tại điểm e, khoản 3, Điều 32, Điều lệ này.

Điều 28. Công đoàn tổng công ty.

1. Công đoàn tổng công ty là công đoàn cấp trên cơ sở tập hợp CNVCLĐ trong các cơ sở của tổng công ty.

2. Tổng công ty do ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập thì công đoàn tổng công ty đó do liên đoàn lao động tỉnh, thành phố thành lập và chỉ đạo trực tiếp.

3. Tổng công ty do bộ, ngành trung ương quyết định thành lập thì công đoàn tổng công ty đó do công đoàn ngành trung ương thành lập và chỉ đạo trực tiếp.

4. Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thì việc thành lập và chỉ đạo công đoàn tổng công ty đó do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn tổng công ty:

a. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn. Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương công tác của công đoàn cấp trên và nghị quyết đại hội công đoàn tổng công ty.

b. Tham gia với hội đồng quản trị, tổng giám đốc tổng công ty về quy hoạch, kế hoạch và mục tiêu phát triển kinh tế của tổng công ty, tham gia xây dựng và kiểm tra giám sát việc thực hiện nội quy, quy chế, chế độ tiền lương, tiền thưởng và các quy định có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, CNVCLĐ trong tổng công ty.

c. Phối hợp với hội đồng quản trị, tổng giám đốc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức đại hội công nhân, viên chức; đại diện cho đoàn viên, CNVCLĐ ký thoả ước lao động tập thể với tổng giám đốc tổng công ty phù hợp với các quy định của pháp luật, tham gia các hội đồng của tổng công ty để giải quyết các vấn đề có liên quan đến CNVCLĐ.

d. Chỉ đạo các Công đoàn cơ sở thuộc công đoàn tổng công ty thực hiện các hình thức tham gia quản lý, thực hiện pháp luật lao động và Luật Công đoàn, tổ chức phong trào thi đua yêu nước; giáo dục theo đặc điểm ngành nghề, hướng dẫn công tác bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách ngành, nghề khác.

đ. Quyết định thành lập hoặc giải thể các công đoàn cơ sở thuộc công đoàn tổng công ty. Thực hiện công tác cán bộ theo sự phân cấp của công đoàn cấp trên, chỉ đạo xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh.

e. Tiếp nhận ý kiến tham gia và chỉ đạo của các liên đoàn lao động địa phương, công đoàn các khu công nghiệp đối với công đoàn cơ sở, công đoàn cơ sở thành viên của tổng công ty đóng tại địa phương, hoặc khu công nghiệp thực hiện các nội dung nhiệm vụ quy định tại điểm e, khoản 3, Điều 32 Điều lệ này.

Điều 29. Công đoàn cơ quan bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Quốc hội, ban của Đảng, đoàn thể Trung ương (gọi chung là công đoàn cơ quan Trung ương) tập hợp cán bộ, công chức, viên chức và lao động (CBCCVCLĐ) trong các đơn vị thuộc cơ quan trung ương; được thành lập công đoàn cơ sở hoặc công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở (khi có đủ điều kiện).

1. Công đoàn cơ quan trung ương do công đoàn ngành trung ương quyết định thành lập hoặc giải thể và chỉ đạo trực tiếp.

2. Công đoàn cơ quan trung ương cấp trên trực tiếp cơ sở quyết định thành lập, giải thể và trực tiếp chỉ đạo các công đoàn cơ sở đơn vị trực thuộc cơ quan thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 17, Điều 18 Điều lệ này.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cấp trên cơ sở cơ quan trung ương:

a. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn.

b. Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết và chủ trương công tác của công đoàn ngành Trung ương; chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy đảng và nghị quyết đại hội công đoàn cấp mình; tham gia với cấp ủy đảng, lãnh đạo chuyên môn về công tác quản lý, lãnh đạo cơ quan và các vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của CBCCVCLĐ.

c. Tổ chức phong trào thi đua yêu nước, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ của cơ quan; vận động đoàn viên, CBCCVCLĐ tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh và tham gia các hoạt động xã hội; hướng dẫn các hình thức, biện pháp chăm lo đời sống, cải thiện điều kiện làm việc, xây dựng nếp sống văn hoá, tham gia cải cách hành chính, đấu tranh ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội.

d. Phối hợp với thủ trưởng cơ quan thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức hội nghị cán bộ công chức cơ quan; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các cơ sở trực thuộc cơ quan.

đ. Thực hiện công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh, thực hiện công tác tổ chức cán bộ theo phân cấp của công đoàn ngành trung ương và tham gia xây dựng Đảng.

Điều 30. Công đoàn ngành trung ương.

1. Công đoàn ngành trung ương do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định thành lập hoặc giải thể phù hợp với đặc điểm của ngành và các quy định của Luật Công đoàn.

Trường hợp trong một bộ có công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, chức năng nhiệm vụ được thực hiện theo quy định Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Đối tượng tập hợp của công đoàn ngành trung ương là đoàn viên, CNVCLĐ cùng ngành thuộc các thành phần kinh tế.

Công đoàn ngành trung ương trực tiếp chỉ đạo các công đoàn cơ quan bộ, công đoàn các ban của Đảng, đoàn thể Trung ương, công đoàn tổng công ty và cấp tương đương thuộc bộ, ngành.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn ngành trung ương:

a. Đại diện, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, CNVCLĐ thuộc ngành.

b. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn.

c. Nghiên cứu tham gia quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội của ngành và tham gia xây dựng các chế độ, chính sách ngành:

- Nghiên cứu tham gia với bộ, ngành, các ban của Đảng, đoàn thể Trung ương và đề xuất với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, gắn với việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CNVCLĐ trong ngành.

- Nghiên cứu tham gia xây dựng pháp luật, các chế độ, chính sách lao động, tiền lương, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác cho người lao động cùng ngành, nghề thuộc các thành phần kinh tế; tham gia cải cách hành chính, chống tham nhũng, tiêu cực, chống lãng phí.

- Đại diện cho đoàn viên và CNVCLĐ thương lượng ký thoả ước lao động tập thể với hiệp hội ngành nghề hoặc của tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong ngành.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách thuộc ngành, nghề; tham gia các hội đồng của ngành để giải quyết các vấn đề có liên quan đến CNVCLĐ; kiến nghị với cơ quan nhà nước bổ sung, sửa đổi và giải quyết những chế độ, chính sách ngành, nghề đáp ứng yêu cầu phát triển ngành, nghề và lợi ích người lao động.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý hướng dẫn, tổ chức các hình thức thi đua yêu nước theo đặc điểm ngành; tổ chức các hoạt động xã hội.

d. Nghiên cứu đề xuất với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về hệ thống tổ chức, mô hình tổ chức, cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp trong hệ thống công đoàn ngành; hướng dẫn chỉ đạo đại hội các công đoàn cấp dưới; thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ theo phân cấp của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

đ. Hướng dẫn chỉ đạo công đoàn tổng công ty, công đoàn cơ quan trung ương, công đoàn cơ sở trực thuộc:

- Nghiên cứu, cụ thể hoá triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, nghị quyết đại hội công đoàn ngành trung ương.

- Tổ chức các hình thức tham gia quản lý và bảo vệ lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật; tổ chức hội nghị cán bộ, công chức cơ quan, đại hội công nhân, viên chức hoặc hội nghị người lao động; xây dựng và ký thoả ước lao động tập thể.

- Tuyên truyền, giáo dục CNVCLĐ nâng cao trình độ nghề nghiệp, thông tin về pháp luật, chính sách, nghĩa vụ, quyền lợi của đoàn viên, CNVCLĐ trong ngành. Tổ chức phong trào thi đua yêu nước theo đặc điểm ngành.

e. Chủ động phối hợp với liên đoàn lao động tỉnh, thành phố chỉ đạo hướng dẫn các công đoàn ngành địa phương thực hiện các nội dung: Chế độ, chính sách lao động ngành; tuyên truyền, giáo dục truyền thống ngành; phương hướng nhiệm vụ phát triển ngành; thành lập công đoàn trong các đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh cùng ngành; tham gia thành lập hoặc giải thể công đoàn ngành địa phương (nếu có).

f. Chủ động phối hợp với liên đoàn lao động tỉnh, thành phố xây dựng quy chế phối hợp chỉ đạo để hướng dẫn các công đoàn cơ sở của ngành đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố.

g. Thực hiện quan hệ đối ngoại theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 31. Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân là những tổ chức công đoàn ngành nằm trong hệ thống Công đoàn Việt Nam, tập hợp những công nhân, viên chức, lao động làm việc hưởng lương trong các đơn vị sản xuất, khoa học, kỹ thuật, hành chính sự nghiệp, dịch vụ trong lực lượng quốc phòng và an ninh.

Tổ chức và hoạt động của Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định sau khi thảo luận thống nhất với lãnh đạo Bộ Quốc phòng và Bộ Công an trên nguyên tắc bảo đảm đúng các quy định của Luật Công đoàn và Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

Điều 32. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố.

1. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố được tổ chức theo địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định thành lập hoặc giải thể phù hợp với các quy định của Luật Công đoàn.

2. Đối tượng tập hợp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố gồm đoàn viên, CNVCLĐ trên địa bàn.

Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố chỉ đạo trực tiếp các liên đoàn lao động huyện, công đoàn ngành địa phương, công đoàn tổng công ty (thuộc tỉnh, thành phố), công đoàn các khu công nghiệp và các công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn trực thuộc (kể cả công đoàn cơ sở các đơn vị của trung ương không có công đoàn ngành trung ương hoặc công đoàn tổng công ty).

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố:

a. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn.

b. Đại diện, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, CNVCLĐ trên địa bàn.

c. Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và nghị quyết đại hội công đoàn tỉnh, thành phố; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tham gia với cấp ủy đảng, cơ quan Nhà nước tỉnh, thành phố về các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề có liên quan đến đời sống, việc làm và điều kiện làm việc của CNVCLĐ trên địa bàn. Tổ chức phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động xã hội của CNVCLĐ trên địa bàn.

d. Phối hợp với các cơ quan chức năng của nhà nước, công đoàn ngành trung ương tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và các chính sách có liên quan trực tiếp đến CNVCLĐ trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; tham gia hội đồng trọng tài lao động ở địa phương, hướng dẫn và chỉ đạo việc giải quyết tranh chấp lao động, tham gia điều tra tai nạn lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng người lao động trong các doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

đ. Chỉ đạo các công đoàn ngành địa phương, liên đoàn lao động huyện, công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn tổng công ty (thuộc tỉnh, thành phố) và cấp tương đương thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 25, 26, 27 và 28 Điều lệ này.

e. Hướng dẫn, chỉ đạo các công đoàn cơ sở của công đoàn tổng công ty thuộc trung ương và các công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn ngành trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố những nội dung sau đây:

- Triển khai thực hiện nghị quyết của đảng, các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng của nhà nước ở địa phương kiểm tra, thanh tra lao động; điều tra các vụ tai nạn lao động; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động; đại diện bảo vệ người lao động trước người sử dụng lao động, cơ quan nhà nước và trong quá trình tham gia tố tụng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động.

f. Tổ chức giáo dục nâng cao trình độ văn hoá và nghề nghiệp cho CNVCLĐ, tổ chức các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, quản lý nhà văn hoá công nhân, công đoàn; tổ chức các trung tâm giới thiệu việc làm, cơ sở tư vấn pháp luật theo quy định của Nhà nước và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

g. Thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý.

h. Hướng dẫn, chỉ đạo đại hội các công đoàn cấp dưới; xây dựng công đoàn cơ sở và nghiệp đoàn vững mạnh.

i. Thực hiện quan hệ đối ngoại theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 33. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có nhiệm vụ, quyền hạn:

1. Quyết định chương trình, nội dung hoạt động của công đoàn nhằm thực hiện nghị quyết Đại hội Công đoàn toàn quốc và các nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam; chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động của các cấp công đoàn. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Chỉ đạo công tác nghiên cứu lý luận công đoàn, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân và hoạt động công đoàn.

2. Tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia xây dựng và kiểm tra giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi của công nhân, viên chức và lao động; tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động; cử đại diện tham gia các hoạt động của Ủy ban Quan hệ lao động, các ủy ban, hội đồng quốc gia về các vấn đề có liên quan đến CNVCLĐ.

3. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chương trình, biện pháp phối hợp với Nhà nước để bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, chính trị, chuyên môn, nghề nghiệp cho CNVCLĐ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phối hợp với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở trung ương tổ chức các phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội trong CNVCLĐ.

4. Quyết định phương hướng, biện pháp đổi mới tổ chức, cán bộ. Thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và các chính sách đối với cán bộ công đoàn theo phân cấp quản lý.

5. Tổ chức quản lý các hoạt động kinh tế, tài chính, tài sản công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; chỉ đạo các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch, nghỉ ngơi của công đoàn các cấp.

6. Mở rộng quan hệ đối ngoại với các tổ chức công đoàn các nước, các tổ chức quốc tế theo đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

7. Thông qua quyết toán, dự toán ngân sách hàng năm, quyết định các chủ trương biện pháp quản lý tài chính, tài sản công đoàn.

Điều 34. Công tác vận động nữ CNVCLĐ được quán triệt trong mọi hoạt động của các cấp công đoàn, nhằm phát huy vai trò của nữ CNVCLĐ và đảm bảo nghĩa vụ, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nữ CNVCLĐ theo quy định của pháp luật.

Ban Nữ công của các cấp công đoàn có trách nhiệm tham mưu với ban chấp hành công đoàn đồng cấp về công tác vận động nữ CNVCLĐ, những vấn đề về giới, cán bộ nữ, dân số – gia đình, sự tiến bộ phụ nữ; đại diện cho nữ CNVCLĐ tham gia giải quyết các vấn đề có liên quan trực tiếp đến lao động nữ và trẻ em.

Chương V

CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA CÔNG ĐOÀN VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN CÁC CẤP

Điều 35. Công tác kiểm tra của công đoàn là nhiệm vụ của ban chấp hành công đoàn mỗi cấp nhằm lãnh đạo việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của tổ chức công đoàn. Mỗi cấp công đoàn phải tổ chức, tiến hành công tác kiểm tra ở cấp đó và chịu sự kiểm tra của công đoàn cấp trên.

Điều 36. Ủy ban kiểm tra là cơ quan kiểm tra của công đoàn được thành lập ở các cấp công đoàn, do ban chấp hành công đoàn cấp đó bầu ra và phải được công đoàn cấp trên trực tiếp công nhận.

1. Ủy ban kiểm tra công đoàn mỗi cấp chịu sự lãnh đạo của ban chấp hành công đoàn cấp đó và sự chỉ đạo của ủy ban kiểm tra công đoàn cấp trên.

2. Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra do ban chấp hành công đoàn cùng cấp quyết định, gồm một số ủy viên trong ban chấp hành và một số ủy viên ngoài ban chấp hành; số ủy viên ban chấp hành không được vượt quá một phần ba (1/3) tổng số ủy viên ủy ban kiểm tra.

3. Việc bầu ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra thực hiện theo nguyên tắc bỏ phiếu kín, người trúng cử phải được quá một phần hai (1/2) số phiếu bầu.

Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn mỗi cấp, do ban chấp hành công đoàn cấp đó bầu, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do ủy ban kiểm tra bầu.

Tổ chức cơ sở của công đoàn có dưới 30 đoàn viên thì cử 1 ủy viên ban chấp hành công đoàn làm nhiệm vụ kiểm tra.

4. Khi mới thành lập hoặc tách, nhập tổ chức công đoàn, công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra lâm thời.

5. Nhiệm kỳ của ủy ban kiểm tra theo nhiệm kỳ của ban chấp hành công đoàn cùng cấp.

6. Ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp là cán bộ chuyên trách công đoàn khi chuyên công tác không là cán bộ chuyên trách công đoàn thì thôi tham gia ủy ban kiểm tra. Ủy viên ủy ban kiểm tra khi chuyên công tác ra khỏi ngành hoặc địa phương, đơn vị thì thôi tham gia ủy ban kiểm tra công đoàn ở ngành, địa phương, đơn vị đó. Ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp khi nghỉ hưu, thôi việc thì thôi tham gia ủy ban kiểm tra kể từ thời điểm nghỉ hưu hoặc thôi việc ghi trong quyết định.

Điều 37. Ủy ban kiểm tra công đoàn có nhiệm vụ:

1. Giúp ban chấp hành, ban thường vụ thực hiện kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn đối với công đoàn cùng cấp và cấp dưới.

2. Kiểm tra công đoàn cùng cấp và cấp dưới khi tổ chức hoặc đoàn viên có dấu hiệu vi phạm Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của công đoàn.

3. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công đoàn cùng cấp và cấp dưới.

4. Giúp ban chấp hành, ban thường vụ: giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của công đoàn; tham gia với các cơ quan chức năng nhà nước và người sử dụng lao động giải quyết khiếu nại, tố cáo của đoàn viên, CNVCLĐ theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra đối với ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp và cấp dưới.

Điều 38. Ủy ban kiểm tra công đoàn có quyền:

1. Ủy viên ủy ban kiểm tra được tham dự các hội nghị của ban chấp hành và được mời dự đại hội hoặc hội nghị đại biểu công đoàn cùng cấp.

2. Báo cáo với ban chấp hành công đoàn cùng cấp về hoạt động kiểm tra công đoàn và đề xuất các nội dung, chương trình công tác của ủy ban kiểm tra trong các kỳ họp thường kỳ của ban chấp hành.

3. Yêu cầu đơn vị và người chịu trách nhiệm của đơn vị được kiểm tra báo cáo, cung cấp các tài liệu cho công tác kiểm tra và trả lời những vấn đề do ủy ban kiểm tra nêu ra.

4. Báo cáo kết luận kiểm tra và đề xuất các hình thức xử lý với cơ quan thường trực của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. Những kiến nghị của ủy ban kiểm tra không được cơ quan thường trực giải quyết thì ủy ban kiểm tra có quyền báo cáo với ban chấp hành công đoàn cùng cấp và báo cáo lên ủy ban kiểm tra công đoàn cấp trên.

5. Ủy viên ban kiểm tra được học tập, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ về công tác kiểm tra.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Công đoàn thực hiện quyền tự chủ và tự quản về tài chính theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

1. Tài chính của công đoàn gồm các nguồn thu sau đây:

a. Đoàn phí công đoàn do đoàn viên đóng hàng tháng bằng một phần trăm (1%) tiền lương hoặc tiền công.

b. Kinh phí công đoàn trích nộp theo tỷ lệ phần trăm (%) quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp phải trả cho CNVCLĐ của các doanh nghiệp và cơ quan, đơn vị. Tỷ lệ trích do Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thống nhất quy định.

c. Các khoản thu khác: thu từ các hoạt động văn hoá, thể thao, hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ do công đoàn tổ chức, các khoản tài trợ của các tổ chức trong nước và nước ngoài.

2. Tài chính công đoàn dùng để chi các khoản sau đây:

a. Chi trả lương cán bộ chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn.

b. Chi cho các hoạt động của công đoàn.

c. Chi thăm hỏi, giúp đỡ đoàn viên và làm công tác xã hội do Công đoàn tổ chức.

d. Chi khen thưởng cho các tập thể, cán bộ, đoàn viên và những người có công xây dựng tổ chức Công đoàn.

Điều 40. Quản lý tài chính công đoàn thực hiện theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai. Các cấp công đoàn có nhiệm vụ quản lý tài chính theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Hàng năm ban chấp hành công đoàn thông qua dự toán và quyết toán ngân sách của cấp mình.

Điều 41. Những tài sản do nguồn vốn của công đoàn, tài sản do Nhà nước chuyển giao quyền sở hữu cho công đoàn là tài sản thuộc sở hữu công đoàn. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là chủ sở hữu mọi tài sản của tổ chức Công đoàn Việt

Nam. Công đoàn các cấp được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng các tài sản và chịu trách nhiệm trước Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và trước pháp luật về việc sử dụng và quản lý các tài sản đó.

Chương VII

KHEN THƯỞNG – KỶ LUẬT

Điều 42. Cán bộ, đoàn viên công đoàn, những người có công xây dựng tổ chức Công đoàn, các cấp công đoàn và nghiệp đoàn có thành tích hoạt động xuất sắc được đề nghị công đoàn xét khen thưởng.

Điều 43.

1. Tổ chức, tập thể ban chấp hành, tập thể ban thường vụ công đoàn các cấp, cán bộ và đoàn viên Công đoàn Việt Nam nếu vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quy định của Công đoàn Việt Nam thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật công khai, chính xác và kịp thời.

2. Hình thức xử lý kỷ luật:

a. Đối với tổ chức, tập thể ban chấp hành, tập thể ban thường vụ công đoàn các cấp: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

b. Đối với cán bộ, đoàn viên: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

3. Thẩm quyền thi hành kỷ luật:

a. Việc thi hành kỷ luật tổ chức, tập thể ban chấp hành, tập thể ban thường vụ do ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp xét và quyết định.

b. Việc khai trừ đoàn viên do tổ công đoàn hoặc tổ nghiệp đoàn đề nghị ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn xem xét quyết định. Trường hợp đặc biệt do công đoàn cấp trên quyết định. Đoàn viên bị kỷ luật khai trừ, sau khi đã sửa chữa khuyết điểm nếu có nguyện vọng thì được xét gia nhập lại công đoàn.

c. Việc thi hành kỷ luật một ủy viên ban chấp hành công đoàn cấp nào do hội nghị ban chấp hành công đoàn cấp đó xét và đề nghị công đoàn cấp trên quyết định. Thi hành kỷ luật ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định.

d. Việc thi hành kỷ luật ủy ban kiểm tra hay các ủy viên ủy ban kiểm tra áp dụng hình thức kỷ luật như đối với tập thể ban chấp hành và ủy viên ban chấp hành công đoàn cùng cấp.

Chương VIII

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

Điều 44. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Tổ chức, tập thể ban chấp hành, tập thể ban thường vụ công đoàn các cấp, cán bộ và đoàn viên công đoàn phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Những vấn đề mới phát sinh chưa được quy định trong Điều lệ, giao cho Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét, hướng dẫn cho phù hợp với tình hình chung.

Điều lệ Công đoàn Việt Nam do Đại hội Công đoàn toàn quốc thông qua. Chỉ Đại hội Công đoàn toàn quốc mới có quyền bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

ĐẠI HỘI LẦN THỨ X
CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM